

CHUYÊN BIỆT HÓA LĨNH VỰC DÂN SỰ TRONG DỰ THẢO LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

NGÔ MINH PHƯƠNG THẢO

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

NGUYỄN ANH THƯ

Công ty Luật TNHH KNL.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Tương trợ tư pháp; tương trợ tư pháp về dân sự; chuyên biệt hóa.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 09/11/2025

Hoàn thành phân biên: 19/11/2025

Duyệt đăng : 20/11/2025

Tóm tắt:

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng giữa các quốc gia trên thế giới, các vấn đề tương trợ tư pháp về dân sự tại Việt Nam ngày càng phát sinh và bộc lộ nhiều hạn chế trong quá trình tiếp cận thực tiễn. Nhằm đáp ứng tính đồng bộ, thống nhất và khả thi trong quá trình áp dụng pháp luật, Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự được xây dựng theo hướng chuyên biệt hóa lĩnh vực dân sự, tách khỏi các lĩnh vực hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án tù Luật Tương trợ tư pháp năm 2007. Việc tách biệt từng lĩnh vực trong hoạt động tương trợ tư pháp không những góp phần xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện, mà còn thể hiện thiện chí hội nhập của Việt Nam thông qua việc phân định giữa tương trợ tư pháp “công” và “tư” phù hợp với thông lệ quốc tế. Bài viết phân tích các quy định mới đáng chú ý trong quá trình chuyên biệt hóa lĩnh vực dân sự tại Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025.

Article Information:

Keywords: Legal assistance; civil legal assistance; specialization.

Article History:

Received : 09 Nov. 2025

Review completed : 19 Nov. 2025

Approved : 20 Nov. 2025

Abstract:

In the context of increasingly profound international integration among nations, issues relating to legal assistance in civil matters in Vietnam have become more prevalent, thereby revealing various limitations in practical implementation. To ensure coherence, uniformity, and feasibility in the application of law, the Draft Law on Civil Legal Assistance has been developed in the direction of specialization, separating civil legal assistance from criminal matters, extradition, and transfer of persons who are serving imprisonment sentences under the Law on Legal Assistance 2007. The separation of specific areas within legal assistance not only contributes to the development of a more comprehensive legal framework but also reflects Vietnam's commitment to international integration by distinguishing between “public” and “private” legal assistance, in accordance with international practice. This Article analyzes the key new provisions introduced during the specialization process of civil legal assistance under the Draft Law on Civil Legal Assistance 2025.

1. Khái niệm và phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 (Luật TTTP) không có bất kỳ khái niệm nào về tương trợ tư pháp (TTTP) mà chỉ có thuật ngữ “ủy thác tư pháp” được định nghĩa như

một hoạt động TTTP. Theo đó, ủy thác tư pháp là yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam hoặc nước ngoài về việc thực hiện hoạt động TTTP (Điều 6). Tuy nhiên, khái niệm ủy thác tư pháp trên lại gây ra nhầm lẫn với hoạt động ủy thác tư pháp mang tính nội bộ giữa các cơ quan thẩm quyền

trong nước¹. Trên tinh thần chuyên biệt hóa lĩnh vực dân sự, Dự thảo Luật TTTP về dân sự (Dự thảo Luật)² đã thống nhất sử dụng lại thuật ngữ “tương trợ tư pháp” theo đúng bản chất thay cho khái niệm gây nhầm lẫn trước đây. Cụ thể, TTTP về dân sự trong Dự thảo Luật được giải thích là việc hợp tác, hỗ trợ giữa cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan, người có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện một hoặc một số hoạt động nhằm mục đích giải quyết vụ việc dân sự (Điều 3). Cách tiếp cận này hoàn toàn phù hợp, không những khắc phục được tình trạng khái niệm gây nhầm lẫn của Luật TTTP hiện hành, mà còn làm rõ tinh thần hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Cùng với quan điểm đó, Dự thảo Luật nên bổ sung thêm một điều khoản giúp làm rõ định nghĩa tại quy định chuyển tiếp (Điều 36) như sau: “Kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực, các quy định “*ủy thác tư pháp về dân sự*” được thay thế bằng cụm từ “*tương trợ tư pháp về dân sự*” tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan”.

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật nêu rõ phạm vi điều chỉnh riêng bao gồm các quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện TTTP về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài (Điều 1). Nội hàm của phạm vi điều chỉnh đã mở rộng ra toàn bộ các lĩnh vực “phi hình sự” như dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, kinh doanh thương mại và phá sản³. Đồng thời, TTTP trong lĩnh vực tố tụng hành chính lần đầu tiên được quy định cụ thể áp dụng theo pháp luật TTTP về dân sự (Điều 34). Việc mở rộng phạm vi điều

chỉnh trong một văn bản pháp lý được xây dựng chuyên biệt đã góp phần tạo nên cơ sở vững chắc nhằm đáp ứng thực tiễn số lượng lớn các hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự trong thời gian qua⁴ cũng như tương thích với khái niệm “quan hệ dân sự theo nghĩa rộng” có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 663 Bộ luật Dân sự năm 2015⁵. Riêng đối với vụ việc phá sản không phải là vụ án dân sự hay việc dân sự, vì vậy, việc xây dựng một căn cứ pháp lý cụ thể tương tự như lĩnh vực hành chính để áp dụng pháp luật TTTP về dân sự đối với yêu cầu trong lĩnh vực phá sản là hoàn toàn cần thiết. Theo đó, cần có một quy định mới bổ sung vào Điều 117 Luật Phá sản năm 2014 như sau: “*Các yêu cầu tương trợ tư pháp trong giải quyết vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự*”.

Một điểm cũng cần nhấn mạnh liên quan đến phạm vi TTTP về dân sự (Điều 4), ngoài những yêu cầu TTTP “truyền thống” đã được ghi nhận trong các văn bản pháp luật trước đây và trong các hiệp định TTTP về dân sự giữa Việt Nam và một số quốc gia như tổng đạt giấy tờ; thu thập, cung cấp chứng cứ; triệu tập người làm chứng, người giám định... thì Dự thảo Luật đã bổ sung thêm nội dung “cung cấp thông tin pháp luật”. Quy định này nhằm mở rộng khả năng áp dụng pháp luật nước ngoài tại Việt Nam trong quá trình Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Cụ thể, theo điểm b khoản 1 Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật nước ngoài được dẫn chiếu đến sẽ không được áp dụng nếu nội

¹ Điều 35 và Điều 105 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

² Dự thảo lần 3 Luật TTTP về dân sự ngày 21/04/2025.

³ Tờ trình Dự án Luật TTTP về dân sự số 237/TTTr-CP ngày 20/04/2025 của Chính phủ.

⁴ Theo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật TTTP phần về dân sự số 476/BC-BTP ngày 27/11/2024, số lượng công văn yêu cầu trong lĩnh vực dân sự đã tăng lên 3000-4000 yêu cầu/năm, trong đó riêng lĩnh vực hành chính Bộ Tư pháp đã tiếp nhận và xử lý 34 hồ sơ.

⁵ “*Quan hệ dân sự theo nghĩa rộng*” bao gồm quan hệ dân sự, kinh doanh, thương mại, hôn nhân và gia đình, lao động và các quan hệ dân sự khác được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm.

dung của pháp luật nước ngoài không xác định được, mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng. Điều này có nghĩa là, trong thời hạn 06 tháng, Tòa án có thể yêu cầu Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về pháp luật nước ngoài cung cấp thông tin về pháp luật nước ngoài⁶. Quá thời hạn trên mà không có kết quả thì Tòa án sẽ áp dụng pháp luật Việt Nam thay thế và như vậy quyền lợi của các bên sẽ không được bảo đảm, bởi lẽ vốn dĩ pháp luật nước ngoài phải được áp dụng vì đây là pháp luật của nước có mối liên hệ mật thiết nhất với quan hệ dân sự đó. Do đó, việc Việt Nam và nước ngoài có thể hỗ trợ lẫn nhau trực tiếp cung cấp thông tin pháp luật của nước mình là giải pháp hiệu quả nhất để Tòa án mỗi bên nắm rõ pháp luật của nước kia, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết vụ việc đó.

2. Các nguyên tắc tương trợ tư pháp về dân sự

Nguyên tắc cơ bản trong TTTP được quy định tại Luật TTTP như tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Điều 4). Ngoài ra, nguyên tắc “có đi có lại” cũng được quy định tại Điều này như “xương sống” trong nguyên tắc áp dụng TTTP trước đây.

Đến Dự thảo Luật, nguyên tắc TTTP về dân sự vẫn kế thừa quy định của Luật TTTP nhưng được bổ sung thêm việc “bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan” (Điều 6). Đồng thời, thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự

cũng mở rộng cho cơ quan, người có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật Việt Nam (Điều 15). Nhìn từ bản chất “tư” của các quan hệ dân sự, hướng tiếp cận này cho thấy nhận thức đúng tinh thần về TTTP về dân sự dưới góc độ Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) và Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam. Theo đó, tư duy quản lý nhà nước đang được dịch chuyển thành phục vụ công dân trong quá trình chuyên biệt lĩnh vực TTTP về dân sự. Tuy nhiên, nguyên tắc “có đi có lại” trước đây lại không còn được ghi nhận tại Dự thảo Luật. Thay vào đó, nguyên tắc này thể hiện một cách linh hoạt thông qua quy định cụ thể cho phép Việt Nam từ chối thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài nếu có căn cứ cho rằng, nước đó không hợp tác thực hiện (điểm a khoản 2 Điều 25). Quy định này đã cho chúng ta quyền chủ động đánh giá từng trường hợp cụ thể nhưng vẫn thể hiện được tinh thần có đi có lại như trước đây.

Mặc dù đã có quy định thể hiện được tinh thần của nguyên tắc “có đi có lại” nhưng để bảo đảm quá trình chuyên biệt được rõ ràng và minh bạch dựa trên vấn đề cốt lõi của Luật TTTP, nguyên tắc này vẫn nên được ghi nhận cụ thể tại Dự thảo Luật. Bởi lẽ, tại Việt Nam, nguyên tắc “có đi có lại” là nền móng cơ bản cho các quan hệ quốc tế và tư pháp quốc tế nhằm tạo cơ sở để xem xét sự công bằng và bình đẳng. Trước đây, các cơ quan như Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao cũng đã phối hợp ban hành các thông tư hướng dẫn cụ thể để ghi nhận việc áp dụng nguyên tắc này trong lĩnh vực TTTP về dân sự giữa Việt Nam với nước ngoài⁷. Không những vậy, một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao còn chủ động áp dụng tương

⁶ Điều 481 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

⁷ Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/09/2011 của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 13/2025/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 29/08/2025 của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao.

tự nguyên tắc “có đi có lại” trong TTTP về dân sự để giải quyết các yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài của các quốc gia như Hàn Quốc, Mỹ, Singapore... do không có điều ước quốc tế liên quan điều chỉnh⁸. Từ đó, có thể thấy được nguyên tắc “có đi có lại” không những là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế, góp phần xây dựng một căn cứ pháp lý vững chắc về chính sách đối ngoại, mà còn hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền thực thi pháp luật trên một nền tảng thống nhất.

Như vậy, việc không ghi nhận nguyên tắc trên khi chuyên biệt hóa lĩnh vực dân sự sẽ làm mất đi tính cốt lõi, thiếu cơ sở nền móng khi áp dụng pháp luật trong bối cảnh đất nước ngày càng mở rộng hợp tác song phương, đa phương như hiện nay và không phải lúc nào giữa Việt Nam và quốc gia liên quan đều có Điều ước quốc tế trong lĩnh vực TTTP về dân sự. Do đó, nhóm tác giả đề xuất Điều 6 có thể được hoàn thiện theo hướng như sau: “*Tương tự pháp về dân sự được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”.

3. Điều kiện áp dụng pháp luật nước ngoài và phương thức thực hiện

Luật TTTP hiện hành không có quy định về việc áp dụng pháp luật nước ngoài trong

hoạt động TTTP về dân sự. Trong trường hợp Việt Nam và nước đó chưa có điều ước quốc tế, nguyên tắc có đi có lại sẽ được áp dụng nhưng không được trái với pháp luật Việt Nam, và phải thực hiện phù hợp với pháp luật, tập quán quốc tế (Điều 4). Quy định trên chỉ tạo tiền đề điều chỉnh về mặt thủ tục hợp tác một cách có đi có lại mà chưa tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng nội dung pháp luật nước khác trong quá trình giải quyết yêu cầu TTTP về dân sự. Do đó, cơ quan có thẩm quyền gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng pháp luật của nước ngoài⁹. Ngoài ra, mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài¹⁰, nhưng lĩnh vực TTTP vẫn chưa được đề cập cụ thể dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để áp dụng.

Nhằm đáp ứng được tính thống nhất với Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp thông lệ quốc tế, Điều 5 Dự thảo Luật được xây dựng bao gồm các cơ chế riêng áp dụng pháp luật nước ngoài trong lĩnh vực TTTP về dân sự. Theo đó, quy định áp dụng pháp luật nước ngoài trong TTTP về dân sự có ba nội dung chính như sau:

Thứ nhất, việc áp dụng pháp luật nước ngoài sẽ theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Quy định này cũng được thể hiện tương tự như trước đây, như một thể chế ưu tiên cho các thỏa thuận của các quốc gia, thống nhất với pháp luật Việt Nam về điều ước quốc tế¹¹. Tuy nhiên, Dự thảo Luật lại đang quy định trái ngược khi điều ước quốc tế không còn là sự ưu tiên đối với phương thức thực hiện yêu cầu

⁸ Lê Hạnh Hùng, *Về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài*, <https://tapchitoaan.vn/ve-viec-ap-dung-nguyen-tac-co-di-co-lai-trong-cong-nhan-va-cho-thi-hanh-tai-viet-nam-ban-an-quyet-dinh-dan-su-cua-toa-an-nuoc-ngoai9179.html>, truy cập ngày 20/10/2025.

⁹ Báo cáo rà soát Luật TTTP và nghiên cứu khả năng tách Luật TTTP số 6409/VPCP-PL ngày 19/08/2023 của Văn phòng Chính phủ.

¹⁰ Phần thứ năm Bộ luật Dân sự năm 2015.

¹¹ Điều 6 Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

TTTP về dân sự của Việt Nam. Theo đó, yêu cầu này sẽ được thực hiện theo quy định của nước được yêu cầu hoặc phương thức cụ thể mà nước được yêu cầu chấp nhận (Điều 20). Mặc dù quy định này trông “có lợi” hơn trong trường hợp nước ngoài yêu cầu thực hiện TTTP, nhưng lại không phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài nêu trên. Đồng thời, Luật Điều ước quốc tế cũng quy định rằng, điều ước quốc tế sẽ được ưu tiên áp dụng nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với pháp luật Việt Nam. Do đó, để không ảnh hưởng đến việc áp dụng pháp luật nước ngoài, bảo đảm tính đồng bộ tại Dự thảo Luật, nhóm tác giả đề xuất giữ nguyên tắc áp dụng nước ngoài này và bổ sung phương thức thực hiện yêu cầu TTTP tương tự như việc áp dụng pháp luật như sau: “*Yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không quy định thì thực hiện theo quy định pháp luật của nước được yêu cầu hoặc theo phương thức cụ thể mà nước được yêu cầu chấp thuận*”.

Thứ hai, trong trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế không quy định, pháp luật nước ngoài vẫn có thể được xem xét áp dụng khi: (i) Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài có văn bản đề nghị áp dụng pháp luật của nước đó; và (ii) Việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc TTTP về dân sự. So với cơ chế “đóng” trước đây, cơ chế này đã linh hoạt hơn, thể hiện bước tiến trong quá trình xây dựng quy định riêng trong lĩnh vực TTTP về dân sự. Tuy nhiên, đối chiếu với các nguyên tắc TTTP về dân sự thì phạm vi còn “hẹp” so với các văn bản pháp luật có liên quan. Đơn cử như quy định về việc không áp dụng pháp luật nước ngoài nếu hậu quả của nó trái với nguyên tắc

cơ bản của pháp luật Việt Nam tại Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ đó có thể thấy rằng, việc áp dụng pháp luật nước ngoài là một vấn đề cần được quy định chặt chẽ trên thực tế và nếu chỉ dừng lại ở các nguyên tắc TTTP về dân sự sẽ không tránh khỏi những thiếu sót trong tương lai khi áp dụng. Nhóm tác giả đề xuất rằng, tại nguyên tắc áp dụng nước ngoài trong trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế không quy định, điều kiện áp dụng được xây dựng lại theo hướng: “*Trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không quy định thì việc áp dụng pháp luật nước ngoài được xem xét khi có đủ các điều kiện sau: (a) Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị bằng văn bản về việc áp dụng pháp luật của nước đó; (b) Hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”.

Thứ ba, thẩm quyền xem xét áp dụng pháp luật nước ngoài do Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao. Mặc dù đây là căn cứ trực tiếp để Bộ Tư pháp chủ trì và phối hợp với hai cơ quan còn lại, nhưng không có quy định nào xác định nhiệm vụ của từng cơ quan cụ thể. Như vậy, tiêu chí nhận diện nào để các cơ quan này có thể xác định xem là việc áp dụng pháp luật nước ngoài có trái với các nguyên tắc TTTP về dân sự hay không và từng cơ quan sẽ phối hợp như thế nào để tránh sự tùy nghi trong áp dụng nhằm bảo đảm minh bạch và thống nhất trên thực tiễn? Theo nhóm tác giả, văn bản hướng dẫn dưới luật cần được ban hành để làm rõ các tiêu chí này, theo hướng phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp năm 2013 như quyền con người, quyền công dân, bảo đảm bình đẳng, tự nguyện, thiện chí, tôn trọng pháp luật, không vi phạm trật tự công, đạo đức xã hội hoặc chủ quyền quốc gia. Văn bản này cũng sẽ bao gồm chi tiết về

các quyền hạn và nghĩa vụ của từng cơ quan trên, cùng trình tự phối hợp và thời hạn xử lý của từng quy trình nhằm bảo đảm công tác TTTP về dân sự được triển khai tối ưu. Ngoài ra, để bảo đảm tính khả thi trong hoạt động này, việc xây dựng một cơ chế xử lý đối với trường hợp pháp luật nước ngoài đã đủ điều kiện để áp dụng nhưng không thể thực hiện trên thực tế là cần thiết.

4. Cơ chế giảm thủ tục thông qua việc miễn hợp pháp hóa lãnh sự và giao dịch bưu chính công ích tổng đạt giấy tờ của nước ngoài

Để giảm bớt thời gian và thủ tục hành chính đối với hồ sơ yêu cầu thực hiện TTTP trong lĩnh vực dân sự, Dự thảo Luật đã có những thay đổi để thích nghi với cơ chế xã hội hóa. Đối với việc miễn hợp pháp hóa lãnh sự, trước đây Luật TTTP quy định để được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam thì các giấy tờ tài liệu được ban hành bởi cơ quan nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự (Điều 7). Tuy nhiên, hợp pháp hóa lãnh sự không còn là thủ tục đương nhiên bắt buộc trong hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự tại Dự thảo Luật. Theo đó, trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không có quy định khác hoặc nước được yêu cầu không có yêu cầu khác, hồ sơ TTTP về dân sự không phải hợp pháp hóa lãnh sự (Điều 8). Quy định trên giúp giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ và đơn giản hóa thủ tục, nhưng lại không thống nhất với pháp luật hiện hành về hợp pháp hóa lãnh sự.

Cụ thể, theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự thì: *“Hợp pháp hóa lãnh sự là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng*

tại Việt Nam”. Đồng thời, Điều 4 Nghị định này cũng quy định rõ, để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam, các giấy tờ, tài liệu của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự. Xem xét các hiệp định TTTP về dân sự giữa Việt Nam và một số nước, đơn cử như Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Việt Nam và Liên bang Nga¹², chỉ các giấy tờ và tài liệu nào được ban hành hoặc được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền và được chuyển qua kênh TTTP thì mới được miễn thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự. Đồng thời, xét các thành phần hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự tại Điều 16 Dự thảo Luật, nhóm tác giả nhận thấy không phải giấy tờ nào cũng sẽ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ban hành. Từ đó có thể kết luận, việc quy định toàn bộ các giấy tờ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự sẽ không phù hợp với những dẫn chứng nêu trên. Theo nhóm tác giả, để bảo đảm tính thống nhất trong việc xây dựng pháp luật chuyên biệt trong lĩnh vực TTTP về dân sự, việc quy định rõ trường hợp nào cần được hợp pháp hóa lãnh sự, trường hợp nào được miễn hợp pháp hóa lãnh sự là hoàn toàn cần thiết. Điều 8 Dự thảo Luật nên được điều chỉnh theo hướng như sau: *“Trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác hoặc theo yêu cầu của nước được yêu cầu, hồ sơ TTTP về dân sự không phải hợp pháp hóa lãnh sự đối với các văn bản, tài liệu được ký và đóng dấu bởi cơ quan, người có thẩm quyền của nước ngoài”*.

Song song với việc miễn giảm hợp pháp hóa, lần đầu tiên doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được quy định với chức năng thực hiện tổng đạt giấy tờ. Đối với thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài, hai chủ thể được đề cập bổ sung so với Luật TTTP bao gồm: (i) Cơ quan, tổ chức đang lưu giữ và quản lý thông tin, tài liệu, chứng cứ; (ii) Doanh

¹²⁾ Điều 15 Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Việt Nam và Liên bang Nga.

ngiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ thị thực hiện. Theo đó, việc tổng đạt giấy tờ nước ngoài sẽ được thực hiện bởi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định (Điều 24). Việc quy định cho phép một tổ chức tư nhân được thực hiện hoạt động này không những đáp ứng nhu cầu tổng đạt giấy tờ hiện tại, mà còn thể hiện sự phù hợp tại Việt Nam khi thực tiễn các tài liệu, kết quả trên Cổng dịch vụ công quốc gia đều được vận chuyển bởi bưu chính công ích¹³ thay vì phải thông qua trung gian giao Tòa án nhân dân và cơ quan Thi hành án dân sự¹⁴, sau đó các cơ quan này chuyển đến thừa phát lại tổng đạt giấy tờ. Việc xây dựng quy định nhằm giao nhiệm vụ cho đơn vị ngoài nhà nước không những giúp giảm tải thủ tục mà còn giảm chi phí thực hiện¹⁵. Bên cạnh đó, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015 cũng đã quy định các tổ chức, cá nhân có chức năng tổng đạt bao gồm cả nhân viên tổ chức dịch vụ bưu chính, người có chức năng tổng đạt và những người khác có liên quan¹⁶. Từ đó, có thể thấy được quy định này góp phần không nhỏ trong việc xây dựng một cơ chế xã hội hóa cho việc tổng đạt giấy tờ đối với hoạt động TTTP về dân sự, bảo đảm tính thống nhất và hoàn thiện pháp luật Việt Nam hiện hành.

5. Tương trợ tư pháp về dân sự trên môi trường điện tử

Nhằm khắc phục những hạn chế của Luật TTTP cùng với sự thúc đẩy mạnh mẽ của xu

hướng chuyển đổi số đất nước, Dự thảo Luật đã có những tiếp cận thay đổi thông qua việc xây dựng một Hệ thống thông tin TTTP về dân sự. Hệ thống này giúp áp dụng vận hành xử lý, lưu trữ thông tin và giao nhận hồ sơ trên môi trường điện tử (Điều 12). Theo đó, toàn bộ quá trình xử lý và chuyển giao hồ sơ không phải thực hiện với hồ sơ giấy như trước đây mà cơ quan nhà nước sẽ quản lý khai thác thông tin hoàn toàn trên môi trường điện tử, đáp ứng được các chiến lược chuyển đổi số của đất nước¹⁷. Với Hệ thống thông tin này, các cơ chế áp dụng đổi mới đã khắc phục được những tình trạng của Luật TTTP như sau:

Thứ nhất, khắc phục tình trạng tồn đọng hồ sơ giấy và vấn đề lưu trữ hồ sơ. Thay vào đó, hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự chỉ cần nộp hai bộ kèm hồ sơ điện tử trên Hệ thống thay vì là ba bộ gốc như trước đây (Điều 16).

Thứ hai, hồ sơ chuyển giao và chi phí thực hiện được rút ngắn khi cho phép chuyển giao yêu cầu TTTP về dân sự trên môi trường điện tử trong trường hợp được chấp nhận bởi phía nước ngoài (Điều 21).

Thứ ba, quá trình thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự cư trú tại nước ngoài được tối ưu bằng việc cho phép thực hiện trực tuyến (Điều 23). Đồng thời, đối với đương sự nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thì cơ quan, người có thẩm quyền nước ngoài được cho phép thực hiện lấy lời khai trực tuyến khi đáp ứng các điều kiện cụ thể (Điều 32).

¹³ Quyết định số 45/2026/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁴ Khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 13/2025/TTLT-BTP-BNG-TANDTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

¹⁵ Khoản 2 Điều 10 Dự thảo lần 3 Luật Tương trợ tư pháp về dân sự ngày 21/4/2025.

¹⁶ Điều 172 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 101 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

¹⁷ Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Những quy định trên cho thấy sự thay đổi tích cực về thực hiện yêu cầu TTTP trên môi trường điện tử trong quá trình xây dựng cơ chế riêng biệt cho lĩnh vực dân sự, giúp số hóa hồ sơ và rút ngắn thời gian xử lý. Tuy nhiên, để chính thức triển khai được Hệ thống thông tin điện tử tại một lĩnh vực có liên quan đến hợp tác quốc tế thì vấn đề vận hành và bảo mật thông tin luôn được đặt lên hàng đầu, nhất là khi ở các quốc gia châu Âu luôn có tính bảo mật nghiêm ngặt. Do đó, để bảo đảm khả năng thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự trên môi trường điện tử như Dự thảo Luật đã đề cập, theo nhóm tác giả, cần xây dựng một văn bản hướng dẫn quy định cụ thể về các vấn đề: (i) Trách nhiệm của cơ quan xây dựng và quản lý Hệ thống

thông tin trong việc theo dõi tiến độ và phối hợp với các cơ quan chức năng khác nhằm bảo đảm vận hành hệ thống; (ii) Yêu cầu chữ ký số đối với hồ sơ TTTP về dân sự nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin nhằm bảo đảm giá trị xác thực của hồ sơ; (iii) Trách nhiệm xây dựng cơ chế bảo mật và mã hóa hồ sơ trong quá trình chuyển giao TTTP về dân sự với nước ngoài; (iv) Trình tự và thủ tục thu thập chứng cứ bằng cách lấy lời khai trực tuyến; yêu cầu xác nhận đồng thuận của đương sự trong việc lấy lời khai trực tuyến; xây dựng trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy chuẩn quốc tế trong quá trình thu thập chứng cứ lấy lời khai nhằm tránh lọt thông tin hoặc không tuân thủ an toàn bảo mật với nước ngoài■

GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT TIẾT KIỆM,... (tiếp theo trang 30)

Dự thảo Luật bổ sung khoản 7 quy định: *“Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần phân biệt rõ giữa hành vi gây lãng phí do thiếu trách nhiệm, vi phạm pháp luật với các rủi ro khách quan trong quá trình đổi mới, thực hiện cơ chế, chính sách thí điểm, khuyến khích cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”*.

Theo chúng tôi, quy định này chưa hợp lý vì những lý do sau đây:

Một là, Dự thảo Luật sử dụng cụm từ “thực hành”, tuy nhiên, cụm từ này chưa được giải thích tại Điều 5;

Hai là, việc phân biệt rõ giữa hành vi gây lãng phí do thiếu trách nhiệm, vi phạm pháp luật với các rủi ro khách quan trong quá trình đổi mới, thực hiện cơ chế, chính sách thí điểm... không phải là do thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, mà là kết quả của việc kiểm tra, đánh giá công tác tiết kiệm, chống lãng phí;

Ba là, nội dung này không phù hợp với tính chất của một nguyên tắc, mà liên quan đến quy định về những hành vi gây lãng phí (Điều 3).

Với những lý do trên, nội dung của khoản 7 Điều 5 Dự thảo Luật cần được chuyển về Điều 3 Dự thảo Luật.

Kết luận

Việc hoàn thiện Dự thảo Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, sau khi được ban hành, sẽ tạo khung khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất, hiệu quả đối với công tác tiết kiệm, chống lãng phí; góp phần phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi gây lãng phí. Đồng thời, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí và xây dựng văn hóa tiết kiệm trong toàn xã hội. Từ đó, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của quốc gia, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và xây dựng đất nước giàu mạnh, tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc■